

TRUYỆN KIỀU

(Tiếp theo)

NỖI THƯƠNG MÌNH

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được Kiều, một thiếu nữ tài sắc, tâm hồn trong trắng đã bị xã hội phong kiến xô đẩy vào cảnh ngộ nghiệt ngã – buộc phải chấp nhận thân phận kĩ nữ tiếp khách làng chơi. Qua đó thấy được chủ nghĩa nhân văn sâu sắc của tác giả : thông cảm, trân trọng đối với nhân vật.

– Hiểu được rằng Kiều có ý thức rất cao về phẩm giá bản thân. Nỗi niềm thương thân tủi phận sâu sắc của nhân vật phản ánh sự chuyển biến trong ý thức về cá nhân của con người trong văn học trung đại.

– Nắm được nghệ thuật ngôn từ của Nguyễn Du trong việc tả tình cảnh nhân vật cũng như nội tâm của nhân vật.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là đoạn trích có điểm đặc thù – viết về tình cảnh, tâm trạng của nhân vật phải làm kĩ nữ tiếp khách. Thực ra bài này khó dạy cho đối tượng là HS lớp 10 vì liên quan đến chuyện thanh lâu, nhà chứa. Nguyễn Du phải đối diện với một thực tế phũ phàng là xã hội đã dồn đẩy cuộc đời nhân vật chính diện yêu mến của ông vào chốn thanh lâu. Làm thế nào để vẫn viết về thực tế ấy, tức là tôn trọng sự thật mà không hạ thấp nhân vật, mà vẫn thể hiện được nhân cách của nhân vật, vẫn bộc lộ được thái độ trân trọng, sự cảm thông của ông, vẫn nói lên được sự đau khổ, sự thương thân xót phận của nhân vật. Đánh giá Kiều trong tình cảnh éo le này là vấn đề gây tranh cãi trong lịch sử tiếp nhận *Truyện Kiều*. Một nhà nho cùng thời với Nguyễn Du là Nguyễn Công Trứ đã lên án Kiều “tà dâm” (bài hát nói *Vịnh Thúy Kiều*). Nguyễn Du đã phát huy đặc điểm của nghệ thuật ước lệ để giải quyết bài toán nan giải này.

2. Trọng tâm bài học

Làm rõ nỗi thương thân xót phận, ý thức cao về phẩm giá của nàng Kiều giữa một hoàn cảnh đầy tủi nhục. Từ đó, nắm vững một phương diện của chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du : chọn nhân vật kĩ nữ làm nhân vật chính diện cho tác phẩm của mình.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Cần lưu ý xem xét đoạn trích trong mối quan hệ với nhiệm vụ xây dựng nhân vật Thuý Kiều, trong mối quan hệ với cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du.

Để dạy một trích đoạn thơ, cần xác định vị trí của đoạn trích, những gì đã diễn ra trước đó và sẽ diễn ra sau đó. Các phương pháp khác nhau cần được vận dụng một cách tổng hợp (xem bài *Trao duyên*).

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Cho HS đọc diễn cảm hoặc ngâm đoạn trích

b) GV giới thiệu vắn tắt vị trí của đoạn trích trong tác phẩm. Trước đó, Thuý Kiều tuy đã quyết liệt chống lại âm mưu của Tú Bà nhưng cuối cùng nàng đã mắc bẫy của Tú Bà và Sở Khanh, buộc phải tiếp khách. Tuy vậy, Từ Hải và Kim Trọng đều trân trọng Kiều; không một nhân vật nào xem Kiều là xấu xa, trái lại, rất mực trân trọng nàng. Từ Hải sẽ hỏi Kiều: “Bấy lâu nghe tiếng má đào. – Mắt xanh chẳng để ai vào có không?”. Điển “mắt xanh” cho thấy thái độ của Từ Hải tôn trọng, đề cao Kiều. Kim Trọng sẽ nói với nàng: “Nher nàng lấy hiếu làm trinh, – Bụi nào cho đục được mình ấy vay”. Thống nhất toàn tác phẩm là thái độ trân trọng, thương yêu của tác giả dành cho nhân vật Thuý Kiều.

c) Gọi ý trả lời các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*

Câu 1. Có thể chia đoạn trích thành 3 đoạn:

Đoạn 1 (“Biết bao... tối tìm Trường Khanh”): Giới thiệu tình cảnh trở trêu của Kiều (chủ yếu là ngôn ngữ tác giả).

Đoạn 2 (“Khi tình rượu... nào biết có xuân là gì.”): Tâm trạng, nỗi niềm của Kiều trong cảnh sống ấy.

Đoạn 3 (“Đòi phen... mặt mà với ai?”): Tả cảnh để diễn tả tâm tình cô đơn, đau khổ của Kiều.

Câu 2. Bút pháp ước lệ ở đây chỉ những hình ảnh “bướm ong”, “cuộc say”, “trận cười”, những điển cố, điển tích được sử dụng như “Tống Ngọc”, “Trường Khanh”. Chúng giúp tác giả vượt qua một vấn đề nan giải, một mặt vẫn tả thực, không né tránh số phận thực tế của nhân vật chính (do đó tạo nên chất phê phán hiện thực của tác phẩm) mặt khác, vẫn giữ được chân dung cao đẹp của nhân vật Kiều, qua đó thể hiện thái độ trân trọng, đầy cảm thông của mình đối với nhân vật. Thái độ này là nhất quán trong toàn tác phẩm.

Câu 3. Các hình thức đối xứng được Nguyễn Du khai thác triệt để trong đoạn trích nhằm tô đậm nỗi thương thân xót phận của nhân vật. Đối xứng ở cấp thấp nhất là tiểu đối trong bốn chữ: *bướm lá/ong loi, lá gió/cành chim, dầy gió/dạn sương, bướm chán/ong chường, mua Sốt/mây Tần, gió tựa/hoa kê*. Đây là thủ pháp chế những cụm từ thông thường tạo thành quan hệ đối xứng nhằm nhấn mạnh mức

độ cao hơn của nội dung cụm từ không có tiểu đối. So sánh *bướm ong lơ lả* với *bướm lá ong lơ* : tách hai yếu tố *bướm* và *ong*, *lá* và *lơ* ra và đặt ở thế đối xứng, thân phận bẽ bàng của người kĩ nữ được tô đậm, nhấn mạnh hơn, gây cảm giác xót xa hơn.

Đối xứng ở cấp tiểu đối trong khuôn khổ một câu : *Khi tỉnh rượu/lúc tàn canh ; Nửa rèm tuyết ngậm/bốn bề trăng thâu*. Đối xứng kiểu này có giá trị nhấn mạnh sự liên tục, kéo dài của sự việc hay cái mệnh mông của không gian.

Đối xứng tạo nên giữa hai câu thơ lục/bát : *Khi sao phong gấm rủ là/Giờ sao tan tác như hoa giữa đường* (đối lập gay gắt giữa quá khứ êm đềm hạnh phúc và hiện tại đầy nghiệt ngã) ; *Mặt sao đây gió đạn sương/Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !* (nhấn mạnh có ý so sánh : thân thể còn đau khổ hơn là sự bẽ bàng chua chát trên vẻ mặt) ; *Mặc người mua Sớ mây Tần/Những mình nào biết có xuân là gì* (đối lập người/ta). Các hình thức đối xứng này có chức năng khác nhau tùy theo mỗi cặp đối, nhưng đều có tác dụng nhấn mạnh ý cần nói, tạo điều kiện nhìn nỗi niềm thương thân xót phận của nhân vật từ nhiều góc nhìn khác nhau (chuyển đổi góc nhìn). Trong một khuôn khổ hết sức cô đọng của câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã có thể khai thác triệt để các khả năng tu từ có thể có để “tăng hiệu suất” tối đa.

Câu 4. “Nỗi thương mình” có một ý nghĩa sâu sắc xét về sự tự ý thức của con người cá nhân trong lịch sử văn học trung đại. Người phụ nữ xưa thường được giáo dục theo tinh thần an phận thủ thường, cam chịu, nhẫn nhục. Khi nhân vật “giật mình mình lại thương mình xót xa” thì điều này đã bao hàm ý nghĩa “cách mạng” trong sự tự ý thức. Con người không chỉ biết hi sinh, nhẫn nhục, cam chịu mà đã có ý thức về phẩm giá, nhân cách bản thân, tức ý thức về quyền sống bản thân. Thương thân, xót phận là một hiện tượng khá phổ biến trong thơ văn thế kỉ XVIII (có thể liên hệ với thơ tự tình của Hồ Xuân Hương : “Chiếc bách buồn về phận nổi nênh...”), nhưng Nguyễn Du viết về chủ đề này thấm thía hơn. Mặt khác, sự thương mình đó là nền tảng vững chãi của lòng thương người. Văn học dân gian nói “thương người như thể thương thân” là vì thế, không thể có tình thương sâu sắc, chân chính dành cho người khác nếu không có ý thức về bản thân, không biết thương chính bản thân.

Câu 5. Tranh luận về việc Kiều “trình” hay “dâm” là một vấn đề trong lịch sử đọc *Truyện Kiều*. Đoạn trích này cho thấy, tâm hồn Kiều là cao thượng, trong trắng mặc dù Kiều sống giữa chốn bùn nhơ. Nguyễn Du đã không né tránh thực tế nghiệt ngã, nhưng nhà thơ nhân đạo vĩ đại đã đề cao nhân cách của Kiều, phẩm giá của Kiều bằng chính việc tả nỗi buồn, nỗi đau khổ, chán chường của nàng giữa chốn bùn nhơ của lầu xanh.

III - KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Có thể kiểm tra việc nắm bắt chủ đề của đoạn trích bằng việc đặt câu hỏi như : “Hãy cho biết nghệ thuật đối có vai trò gì trong đoạn trích”. Câu hỏi này có tính chất tổng hợp, đề cập đến cả nội dung và hình thức như đã hướng dẫn trong câu 3.